

Số: /GPMT-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy sản xuất bàn ghế đan nhựa giả mây đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/TP ngày 10/3/2026 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tây Phú;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 293/TTr-SNNMT ngày 13/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tây Phú (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ tại Lô B16 đường số 14, KCN Phú Tài, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất bàn ghế đan nhựa giả mây (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất bàn ghế đan nhựa giả mây.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại Lô B4 và B5, Cụm Công nghiệp Gò Cày, xã Bình An, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 4101490904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh

Gia Lai) cấp lần đầu ngày 04/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/07/2021.

1.4. Mã số thuế: 4101490904.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bàn ghế đan nhựa giả mây.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích 23.306,3 m²

- Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và số thứ tự số 02, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 23.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất

+ Quy trình gia công cơ khí: Nguyên liệu (sắt, thép) → Cắt định hình → Hàn thành khung → Gia công làm sạch bề mặt kim loại → Sơn tĩnh điện → Khung kim loại thành phẩm.

+ Quy trình làm sạch bề mặt: Khung kim loại → Tẩy dầu mỡ → Rửa nước 1 → Định hình → Bề phốt phát → Rửa nước 2 → Khung kim loại đã xử lý bề mặt.

+ Quy trình phun sơn: Khung kim loại đã xử lý bề mặt → Phun sơn tĩnh điện → Sấy → Khung kim loại đã sơn.

+ Quy trình đan nhựa giả mây: Khung kim loại sau khi sơn → Đan dây thủ công → KCS Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường về nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tây Phú được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tây Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Chủ đầu tư;
- UBND xã Bình An;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, N4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh